

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐDTT

K/g: **D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam**

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/02/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+BK10+BK6	7:25	22+0+0	0+0+0		19+1+2	0+0+0	CHUYẾN 1 BK10-BK6
2		CTK3+CNV+HST	7:25	12+7+3	0+0+0		11+7+4	0+0+0	
3		BK9+GTC1+VSP02	7:25	12+1+10	0+0+0		3+1+18	0+0+0	
4		PPD+P4+P6	9:25	4+18+0	0+0+0		2+15+3	0+0+0	CHUYẾN 2 PPD P4
5		TD2+IGTH4+AMD	9:25	5+2+15	0+0+0		1+0+21	0+0+0	
6		TD3+BK14+PPD	9:25	5+10+7	0+0+0		1+13+8	0+0+0	
7		PPD+TTC1+TTC2	11:25	19+0+0	0+0+0		16+1+0	0+0+0	CHUYẾN 4 TTC1-TTC2
8		P10+CTK3+BK16	11:25	21+0+1	0+0+0		16+4+1	0+0+0	
9		BK3+BK9+RP3	11:25	8+0+14	0+0+0		0+5+15	0+0+0	
10		VSP02+amd	13:25	22	0		21	0	

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ ĐI VỀ TRONG NGÀY BK9-3NG.

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: PPD - BK10 - BK6	CREW: ATUẤN - Vận - HIẾU	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ XUÂN MINH	PPD	50	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC QUANG	PPD	49	1	5		74	KHI	Vietnamese
3	OKOVANSEV G.P	PPD	54	1	10		120	KHI	Russian
4	DƯƠNG CHI TUYẾN	PPD	53	1	5		68	KHI	Vietnamese
5	TRAN SON TOAN	PPD	44	1	5		75	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	42	1	5		65	KHI	Vietnamese
7	VÔ VĂN QUYÊN	PPD	45	1	5		70	KHI	Vietnamese
8	NGÔ SỸ THANH	PPD	63	1	5		75	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG NAM	PPD	58	1	5	80	70	KHI	Vietnamese
10	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	52	1	5	25	72	KHI	Vietnamese
11	NGÔ XUÂN HƯƠNG	PPD	48	1	5		74	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH HOANG	PPD	08	1	5		75	KHI	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC HUNG	PPD	41	1	5		70	KHI	Vietnamese
14	LY XUÂN TRUNG	PPD	46-47	2	12		60	YTE	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	PPD	64	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN VĂN THẮNG	PPD	56	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ SỸ KHOA	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	PPD	51	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN VĂN ĐƯƠNG	PPD	54	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
20	TÔ QUANG HUY	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ XUÂN HÀ	PPD					60	KH-THAC	Vietnamese
22	TRỊNH VĂN NHA	PPD	38-39	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	21	112	1.569	105	19		CHUYEN 01 PAX TU BK10 SANG BK6
2	BK10	0	0	0	0	30	1 + 1		
3	BK6	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	21	112	1.569	135	22		
WEIGHT KG				112	1.569	135			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

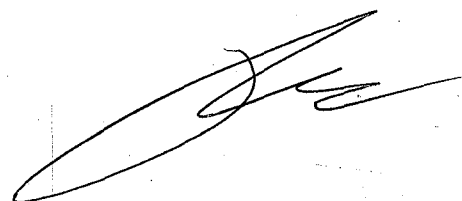
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: CTK3 - CNV - HST	CREW: VThắng - Linh - Luy	ETA: 09:15
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM NGỌC KHẨN	CTK3	10-11	2	13	25	70	DK DNV	Vietnamese
2	ĐO VĂN THAO	CTK3	08	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
3	BOGDANOV	CTK3	07	1	5		80	KH-THAC	Russian
4	SMIRNOV	CTK3	06	1	3		100	KH-THAC	Russian
5	NGUYỄN BÌNH LONG	CTK3	14	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI TIẾN DŨNG	CTK3	04-05	2	7		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN HOANG SƠN	CTK3	16	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH ĐỨC	CTK3	15	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO THE HÙNG	CTK3	13	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	CTK3	12	1	7		48	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI VĂN BÁC	CTK3	09	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO VĂN TRI	CTK3	03	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ANH HÙNG	CNV	64	1	5	65	76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CNV	66	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH VĂN SƠN	CNV	69	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
16	PHUNG VĂN KHANH	CNV	67	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN NGỌC TRI	CNV					67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT LONG	CNV	68	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÀU ĐỨC NGỌC	CNV	65	1	4		98	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN BÀ QUÂN	HST	53-54	2	14		80	VSP	Vietnamese
21	LÊ VĂN PHẠNG	HST	56	1	10		64	VSP	Vietnamese
22	VÔ TRUNG HIỆU	HST	55	1	10		80	VSP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

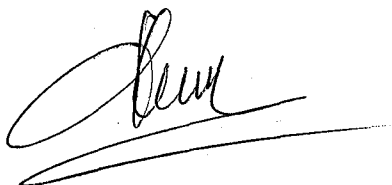
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	12	14	63	851	25	11		+ 01 NB: Nguyen Tri Tin
2	CNV	7	6	34	527	65	7		
3	HST	3	4	34	224	0	4		
TOTAL		22	24	131	1.602	90	22		
WEIGHT KG				131	1.602	90			

GRAND TOTAL: 1.823 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: BK9 - GTC1 - VSP02	CREW: Phong - NPhú - Huy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG VINH	BK9	65	1	4		93	KH-THAC	Vietnamese
2	KYREEV	BK9	70	1	4		87	NIPI	Russian
3	TRẦN KHOA TRƯỞNG	BK9	64	1	3		75	NIPI	Vietnamese
4	LƯU VĂN SƠN	BK9					78	KH-THAC	Vietnamese
5	VÕ THÈ HẬU	BK9					70	KH-THAC	Vietnamese
6	LUƠNG TUẤN ANH	BK9	68-69	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN TRUNG KIẾN	BK9	71	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN NGỌC THƯƠNG	BK9	01	1	8	55	75	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI MINH HẢI	BK9	02	1	9		73	KH-THAC	Vietnamese
10	LE ĐỨC HUY	BK9	66-67	2	14		65	T-TIN	Vietnamese
11	BUI ĐỨC KHANH	BK9					63	PSV	Vietnamese
12	HOÀNG THANH HOA	GTC1	06	1	6	55	60	KH-THAC	Vietnamese
13	EDUARD YANDYAN	VSP02	04	1	10		82	KH-THAC	Russian
14	NGUYỄN VĂN QUÂN	VSP02	07	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TIEN	VSP02	11-12	2	18		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN LINH	VSP02	09-10	2	12		50	YTE	Vietnamese
17	BODAN KARPENKO	VSP02	05	1	11		85	KH-THAC	Russian
18	SERGIENKO SE	VSP02	03	1	5		74	KH-THAC	Russian
19	LÊ VĂN HIỆP	VSP02	01	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN MINH TUẤN THỊNH	VSP02	02	1	4		88	KH-THAC	Vietnamese
21	HOÀNG NGỌC ĐÔNG	VSP02	08	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐOÀN THANH MAI	VSP02	06	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	11	10	57	830	55	2		
2	GTC1	1	1	6	60	55	1		
3	VSP02	10	12	83	738	0	19		
TOTAL		22	23	146	1.628	110	22		
WEIGHT KG				146	1.628	110			

GRAND TOAL: 1.884 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	TO: P2 - P4 - P6	CREW: ATUÂN - Vậ - HIẾU	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG NHẬT QUANG	P2	03	1	7	55	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TRUNG	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN VINH	P2	04	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN VĂN THUAN	P2	05	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
5	YAKIMENKO V.A.	P4	82	1	9	80	110	KHI	Russian
6	ZAGUDAIEV V.E	P4	86	1	6		77	KHI	Russian
7	NGUYỄN QUANG HÀ	P4	84	1	5		70	KHI	Vietnamese
8	PHẠM QUỐC DUY	P4	79	1	3		62	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NĂM	P4	88	1	2		62	KHI	Vietnamese
10	TRẦN VĂN PHÚC	P4	83	1	9		70	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	80	1	8		74	KHI	Vietnamese
12	DUƠNG ĐÌNH HIẾN	P4	76-77	2	9		67	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN LÊ HUY	P4	81	1	9		65	KHI	Vietnamese
14	LÊ VĂN HOÀN	P4	74	1	2		66	KHI	Vietnamese
15	LÊ VĂN MẠNH	P4					60	KHI	Vietnamese
16	LÊ QUANG VINH	P4	75	1	9		75	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU LUẬN	P4	90	1	7		70	KHI	Vietnamese
18	ĐỖ MINH ĐỨC	P4	85	1	5		70	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HIẾU	P4	78	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ TRƯỞNG GIANG	P4	87	1	5		65	D-HANH	Vietnamese
21	TRẦN QUỐC TRUNG	P4	91	1	6		82	D-HANH	Vietnamese
22	HO TUÂN HÙNG	P4	89	1	3		87	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	4	3	14	280	55	2 + 2		CHUYỂN 02 PAX TỪ P2 SANG P4
2	P4	18	18	102	1.292	80	15		
3	P6	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	21	116	1.572	135	20		
WEIGHT KG				116	1.572	135			

GRAND TOAL: 1.823 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT:	TO: TD2 - TGTH4 - AMD	CREW: VThắng - Linh - Luy	ETA: 11:25
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN HIỂU	TD2	16	1	11		70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC LONG	TD2	17	1	12	50	62	DVL	Vietnamese
3	MULNIUCHKIN V.V.	TD2	15	1	15	4	90	DVL	Russian
4	NGUYỄN VĂN NAM (KS)	TD2	19	1	15		75	DVL	Vietnamese
5	VŨ VĂN TRUNG	TD2	18	1	12		74	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN MẠNH HÀ	TGTH4	82	1	10		55	VSP	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC NHÀ	TGTH4	81	1	9		55	VSP	Vietnamese
8	ZAINAL MUCHTADIN	AMD	75	1	12		62	BAB - VSP	Indonesian
9	NGUYỄN VŨ BA LINH	AMD	79-80	2	18		70	HLJOC	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH DUY	AMD	78	1	10		60	VSP	Vietnamese
11	TRẦN LÊ HOÀ	AMD	77	1	5		65	VSP	Vietnamese
12	TRẦN HIỂU THẢO	AMD	81	1	3		57	VSP	Vietnamese
13	YA LỘC	AMD	96	1	5		72	VSP	Vietnamese
14	TRẦN NGỌC PHÚC	AMD	87	1	6		72	VSP	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN THUY	AMD	91	1	7		74	VSP	Vietnamese
16	PHẠM ANH ĐỨC	AMD	90	1	9		70	VSP	Vietnamese
17	NGUYỄN TRẦN QUỐC KHANG	AMD	88-89	2	18		70	VSP	Vietnamese
18	TRẦN TRUNG KIẾN	AMD	82-84	3	17		80	VSP	Vietnamese
19	TRẦN HỮU ĐĂNG	AMD	92-93	2	15	20	85	VSP	Vietnamese
20	BUI SỸ QUYỀN	AMD	85-86	2	11		65	VSP	Vietnamese
21	VŨ VIỆT THẮNG	AMD	72,74	2	10	12	70	VSP	Vietnamese
22	PHAN DUY PHƯƠNG	AMD	76	1	7		72	VSP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	5	5	65	371	54	1		
2	TGTH4	2	2	19	110	0	2		
3	AMD	15	22	153	1.044	32	19		
TOTAL		22	29	237	1.525	82	22		
WEIGHT KG				237	1.525	86			

GRAND TOAL: 1.844 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	TO: TD3 - BK14 - P2	CREW: Phong - NPhú - Huy	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THANH	TD3	21	1	11		78	DVL	Vietnamese
2	TRƯỜNG QUỐC THẮNG	TD3	19	1	18	21	82	DVL	Vietnamese
3	PHAN VINH TRƯỞNG	TD3	23	1	11		63	DVL	Vietnamese
4	VŨ VĂN NAM	TD3	20	1	12		65	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HIẾU .	TD3	22	1	15		84	DVL	Vietnamese
6	ZHDANOV V.N	BK14	94	1	14		122	KHOAN	Russian
7	NGO ĐOAN ĐỨC	BK14	90	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
8	АКОПОВ Д. А	BK14	95	1	10		80	KH-THAC	Russian
9	NGUYỄN ĐÌNH THỊNH	BK14	91	1	5	63	66	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ ANH TUÂN	BK14	96	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN HỮU TRUNG	BK14	92-93	2	9		73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH DIỆN	BK14	98	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ NGỌC CHÍNH	BK14	97	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ ANH MINH	BK14	11,73	2	17		75	T-TIN	Vietnamese
15	PHẠM NGỌC NINH	BK14	89	1	10		75	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN DANH TUÂN	P2	16	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HUY HOANG	P2					92	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH NAM	P2	15	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC CƯ	P2	14	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
20	NGO SÁCH ĐỨC	P2	17	1	7	37	72	KH-THAC	Vietnamese
21	TRỊNH VĂN CƯỜNG	P2	13	1	5		70	KHI	Vietnamese
22	LÊ ĐỨC THẮNG	P2	12	1	6		73	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

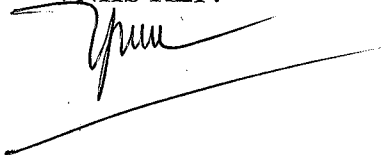
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	5	5	67	372	21	1		
2	BK14	10	12	94	795	63	13		
3	P2	7	6	33	495	37	8		
TOTAL		22	23	194	1.662	121	22		
WEIGHT KG				194	1.662	121			

GRAND TOAL: 1.977 KGS

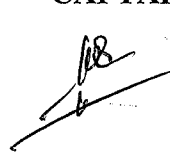
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:50
FLIGHT: 06	TO: P2 - TTC1 - TTC2	CREW: Hạnh - Dương - Vũ	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC LAM	P2	40	1	5		68	KHI	Vietnamese
2	VŨ ĐỨC HOANG	P2	26	1	5		65	KHI	Vietnamese
3	ĐOÀN MẠNH TOÀN	P2					75	KHI	Vietnamese
4	LUƠNG MẠNH DƯƠNG	P2	34	1	5		60	KHI	Vietnamese
5	LÊ THANH TRUNG	P2	41	1	5	30	63	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH TÚ	P2	37	1	12		75	KHI	Vietnamese
7	VŨ VĂN SONG	P2	24	1	5		70	KHI	Vietnamese
8	VŨ NGỌC TUẤN	P2	29	1	5		82	KHI	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN TUẤN	P2	33	1	5		75	KHI	Vietnamese
10	LÊ TRUNG LÂN	P2	38-39	2	8		80	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC KHUYỀN	P2	26	1	5		72	KHI	Vietnamese
12	LÊ XUÂN ĐAM	P2	25	1	5		70	PSV	Vietnamese
13	PHAN THANH NAM	P2	30	1	5		70	PSV	Vietnamese
14	PHẠM TUẤN VIỆT	P2	32	1	10		85	DK9	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC ANH	P2	26	1	5		80	DK9	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN THÀNH	P2	35	1	10		55	TRUONGV	Vietnamese
17	VŨ VĂN GIANG	P2	31	1	5		60	TRUONGV	Vietnamese
18	LÊ TUẤN TÚ	P2	36	1	6		70	TRUONGV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

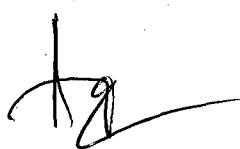
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	18	18	106	1.275	30	16		DON PAX PPD TAI P2 CHUYEN 4 PAX TTC1 SANG TTC2
2	TTC1	0	0	0	0	70	1	44	
3	TTC2	0	0	0	0	35	0		
TOTAL		18	18	106	1.275	135	17		
WEIGHT KG				106	1.275	135			

GRAND TOAL: 1.516 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:55
FLIGHT: 8	TO: P10 - CTK3 - BK16	CREW: VThắng - Linh - Luy	ETA: 13:35
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ ĐỨC TUYÊN	P10	36	1	5	40	84	XAYLAP	Vietnamese
2	TRƯƠNG VĂN HAI	CTK3	31	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH VĂN THÔNG	CTK3	32	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH QUANG HOÀN	CTK3					68	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VIỆT HÙNG	CTK3	40	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG THIỆU THANH	CTK3	20	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGHĨA TÍN	CTK3	19	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN THÀNH	CTK3	25	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG CHUÔNG	CTK3	24	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THIÊN TOÀN	CTK3	41-42	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3	30	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN PHÚC PHƯỢNG	CTK3	33-34	2	6		76	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC CHIẾN	CTK3	26	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	22-23	2	15		48	KH-THAC	Vietnamese
15	CAO MINH HOÀNG	CTK3	28-29	2	14		73	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN CỎ	CTK3	35	1	8		50	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC CHÂN	CTK3	21	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PANKRATOV	CTK3	44	1	12		104	ANTOAN	Russian
19	NGUYỄN CÔNG ĐÌNH	CTK3	27	1	5		66	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐÌNH XUÂN TOÀN	CTK3	38-39	2	10		61	T-TIN	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN THU	CTK3				29	60	T-TIN	Vietnamese
22	KIỀU VĂN TUÂN	CTK3	43	1	6		78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	1	1	5	84	40	1		
2	CTK3	21	24	158	1.472	29	16		
3	BK16	0	0	0	0	15	4		
TOTAL		22	25	163	1.556	84	21		
WEIGHT KG				163	1.556	84			

GRAND TOAL: 1.803 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:02
FLIGHT:	TO: BK3 - BK9 - RP3	CREW: Phong - N.Anh - Toan	ETA: 13:40
VANG-3			

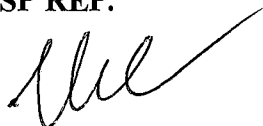
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TIẾN DŨNG	BK3	64-65	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN PHÚC HIỂN	BK3	68-69	2	18		84	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN CANH LUYỆN	BK3	70-71	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ XUÂN VIỆT	BK3	66-67	2	20	30	60	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT DŨNG	BK3	72	1	11		61	XAYLAP	Vietnamese
6	HÀ XUÂN ĐẠT	BK3	73	1	12	20	57	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	BK3	75-76	2	18	40	81	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI VĂN DŨNG	BK3	74	1	12		61	XAYLAP	Vietnamese
9	SVALOV E.V	RP3	51	1	10		95	KHOAN	Russian
10	REVIKIN V.N	RP3	54	1	12		98	KHI	Russian
11	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	57-58	2	12		68	KHI	Vietnamese
12	HÀ VĂN THUY	RP3	52	1	5	30	72	KHI	Vietnamese
13	PHẠM VĂN KỶ	RP3	46	1	5		70	KHI	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC HÙNG	RP3	53	1	8		75	KHI	Vietnamese
15	PHẠM QUỐC KHÁNH	RP3					86	KHI	Vietnamese
16	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	RP3	47	1	5		80	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CÚ	RP3	55	1	4	10	58	KHI	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN HAI	RP3	59	1	10		62	KHI	Vietnamese
19	VÔ ĐÓN LONG	RP3	50	1	5		66	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TÙNG	RP3					76	KHI	Vietnamese
21	NGÔ NGỌC HÂN	RP3	48	1	5		62	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT KỶ	RP3	49	1	5		67	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	8	13	131	544	90	0		
2	BK9	0	0	0	0	10	6		
3	RP3	14	13	86	1.035	40	15		
TOTAL		22	26	217	1.579	140	21		
WEIGHT KG				217	1.579	140			

GRAND TOAL: 1.936 KGS

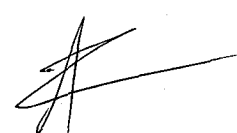
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:00
FLIGHT:	TO: VSP02 - AMD	CREW: Hạnh - Dương - Vũ	ETA: 15:40
HONG-4			

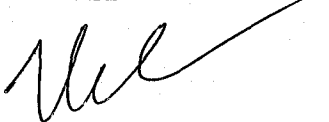
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG MINH	VSP02	26	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN LÊ MINH TUÂN	VSP02	25	1	6		98	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN CÔNG QUAN	VSP02	28	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG VIỆT THÀNH	VSP02	29	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN THẨM	VSP02	31	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ SĨ KHÔI	VSP02	15	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN GIA KHANH	VSP02	20-21	2	17		77	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN THẾ CƯỜNG	VSP02	19	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	27	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN GIA LONG	VSP02	23	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN HIỆP	VSP02				12	70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02				100	72	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ DUY HOAN	VSP02	16	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN PHÚ	VSP02	24	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	LƯƠNG QUANG TUYẾN	VSP02	18	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	22	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	30	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP02					78	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	VSP02	17	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THẾ VINH	VSP02	13-14	2	12		78	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN BINH THUAN	VSP02	39	1	10		64	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

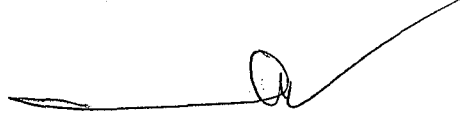
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	21	20	113	1.551	112	15		
2	AMD	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		21	20	113	1.551	112	17		
WEIGHT KG				113	1.551	112			

GRAND TOAL: 1.776 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/02/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM	7:25	12	0		12	0	
2		MRM	11:15	10	0		8	0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: MRM	CREW: Hoài - TRƯỜNG	ETA: 10:45
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ROIK NIKOLAI	MRM	40	1	9		82	KHOAN	Russian
2	KHARCHENKO IGOR	MRM	43	1	7		82	KHOAN	Russian
3	ZASTAVNY VASILII	MRM	48	1	5		72	KHOAN	Russian
4	ZAKHAROV FEDOR	MRM	36	1	5		100	KHOAN	Russian
5	YAROTCKIY ALEXANDER	MRM	47	1	10		100	KHOAN	Russian
6	KUMBA LULENGO	MRM	37	1	10		93	KHOAN	Russian
7	LYAKHNOVICH LEONID	MRM	44	1	7		78	KHOAN	Russian
8	SELIVANOV VLADISLAV	MRM	41-42	2	12		78	KHOAN	Russian
9	FILATOV SERGEY	MRM	45	1	7		102	KHOAN	Russian
10	NIKOLAENKO VADIM	MRM	46	1	10		103	KHOAN	Russian
11	CHISTYAKOV DMITRY	MRM	39	1	10		130	KHOAN	Russian
12	GOLUBEV ALEKSANDR	MRM	38	1	10		90	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

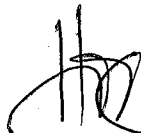
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	12	13	102	1.110	0	12		
	TOTAL	12	13	102	1.110	0	12		
	WEIGHT KG			102	1.110	0			

GRAND TOAL: 1.212 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 11:15
FLIGHT: 02	TO: MRM	CREW: Hoài - TRƯỞNG	ETA: 14:30
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SAPRYKIN VLADIMIR	MRM	50	1	8		138	KHOAN	Russian
2	ISAKOV ALEKSEI	MRM	53	1	9		104	KHOAN	Russian
3	YAKUNIN DMITRY	MRM	52	1	7		88	KHOAN	Russian
4	KALABUKOV STANISLAV	MRM	54	1	9		94	KHOAN	Russian
5	ALEKSEEV BORIS	MRM	51	1	7	170	90	KHOAN	Russian
6	KOZLOV VLADIMIR	MRM	57	1	5		84	KHOAN	Russian
7	ĐẠU MINH A	MRM	58	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN BÀ TUÂN	MRM	70	1	2		55	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NGHE	MRM	56	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THĂNG	MRM	55	1	4		67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	10	10	61	864	170	8		
	TOTAL	10	10	61	864	170	8		
	WEIGHT KG			61	864	170			

GRAND TOAL: 1.095 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

